

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ**  
**DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN**  
**Năm 2014**

## THƯ NGỎ TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính thưa Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Đối tác, Quý khách hàng  
cùng Toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn**

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam vẫn chưa thực sự phục hồi do tác động chung từ tình hình khó khăn của nền kinh tế thế giới, khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt. Trong nước, nhiều bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho doanh nghiệp: Hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể... ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp và SASTECO cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó. Ngoài ra, sự cạnh tranh của các đối thủ trong ngành giữa các cảng khu vực TP.HCM và các tỉnh miền Đông Nam Bộ ngày càng khốc liệt đã tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành đã có nhiều định hướng, chiến lược kịp thời đề ra nhiều biện pháp thiết thực dẫn dắt Công ty vượt qua được khó khăn, thách thức. Cùng với nỗ lực phấn đấu hết mình của cán bộ công nhân viên, tập thể SASTECO đã đạt được những thành quả rất đáng ghi nhận. Tổng doanh thu năm 2014 đạt 177,690 triệu đồng đạt vượt mức 77,69% kế hoạch đề ra và bằng 167,15% cùng kỳ năm ngoái; lợi nhuận sau thuế đạt 4.050 triệu đồng bằng 110,53% kế hoạch và đạt 97,28% so với cùng kỳ 2013. Kết quả trên là sự nỗ lực của toàn thể Công ty trong năm qua, và điều này cũng cho thấy những cải tiến, sáng tạo trong tổ chức cũng như hoạt động kinh doanh đã đem lại kết quả tích cực. Với đà phát triển như hiện nay, tôi tin tưởng rằng con thuyền SASTECO sẽ tiếp tục vững vàng trước mọi con sóng của nền kinh tế và sẽ tiếp tục phát triển để theo đuổi những mục tiêu dài hạn hơn.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến sự quan tâm và hỗ trợ hết mình của Ban lãnh đạo Cảng Sài Gòn, các cơ quan ban ngành, sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông và các nhà đầu tư.

Tôi cũng xin gửi lời tri ân sâu sắc đến toàn thể cán bộ công nhân viên, những người đã có đóng góp quan trọng nhất cho sự phát triển của công ty hôm nay.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Hưng**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN**  
**Năm 2014**

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1 Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch : SASTECO
- Giấy chứng nhận ĐKKD : 0310346174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp; đăng ký thay đổi lần 4 vào ngày 24/04/2014
- Vốn điều lệ : 40.500.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ năm trăm triệu đồng*)
- Vốn đầu tư Chủ sở hữu : 40.500.000.000 đồng
- Địa chỉ : 1B Trương Đình Hội, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
- Số điện thoại : (84.8) 39415698 - 39415706 – 39415397
- Số fax : (84.8) 39425393 – 39415430
- Website : [www.sasteco.vn](http://www.sasteco.vn)

**1.2 Quá trình hình thành và phát triển**

- **Tiền thân:** Là Xí nghiệp Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn.
- **Năm 2008:** Thành lập trên cơ sở sáp nhập các bộ phận bốc xếp, giao nhận, cơ giới và một phần các bộ phận chuyên môn từ các công ty xếp dỡ cũ của Cảng Sài Gòn.
- **Năm 2010:** Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- **Năm 2011:** Thay đổi người đại diện theo pháp luật và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai.
- **Năm 2012:** Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong
- **Năm 2013:** Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1.3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

❖ **Ngành nghề kinh doanh**

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, dịch vụ cung ứng tàu biển;

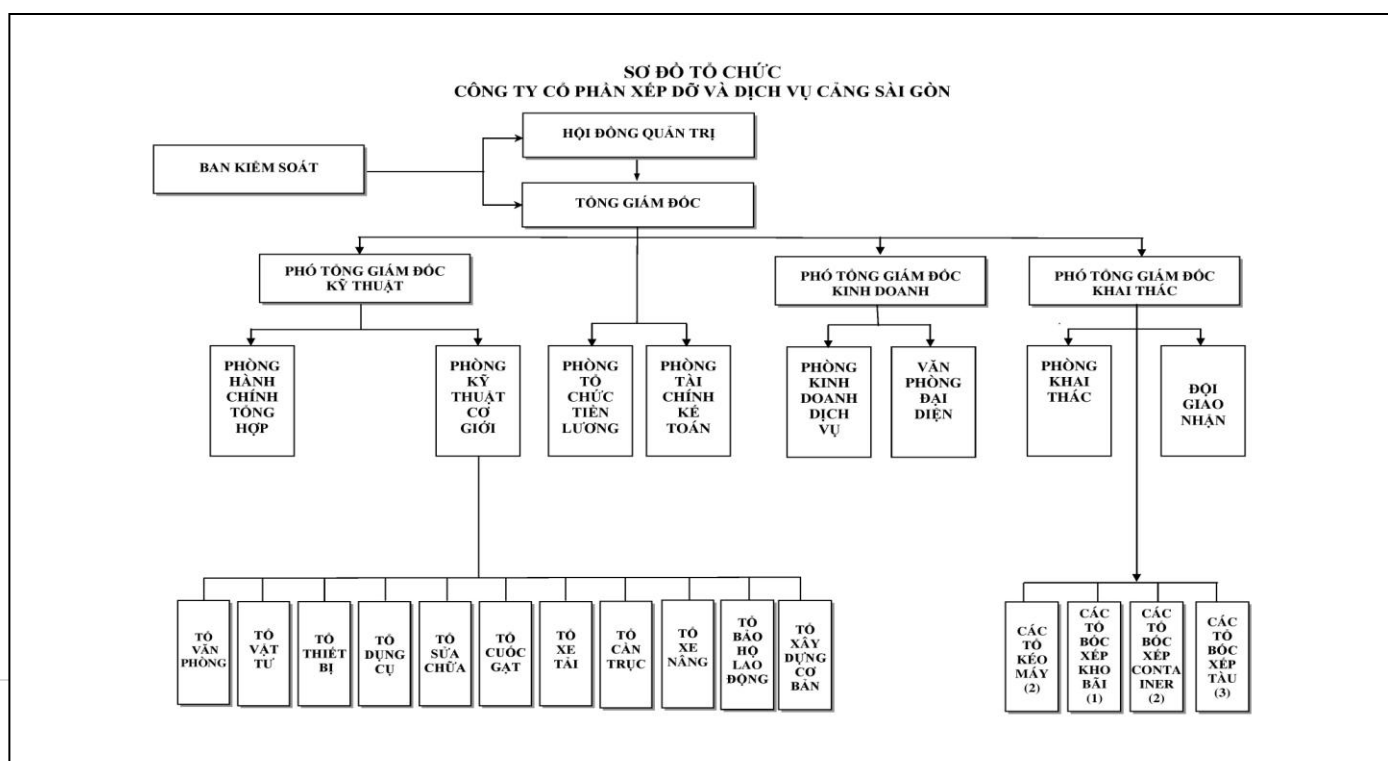
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ đóng gói;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ vệ sinh tàu biển;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán và cho thuê thiết bị;
- Và các ngành nghề khác theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 của Công ty.

#### ❖ Địa bàn hoạt động

SASTECO là đơn vị được ưu tiên hoạt động và chịu trách nhiệm xếp dỡ, giao nhận, đóng gói hàng hóa tại các cảng và các tuyến phao trực thuộc Cảng Sài Gòn.

Ngoài Cảng Sài Gòn là địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ chủ yếu, Công ty còn triển khai mở rộng thị phần ra các cảng và bến phao khác ở khu vực TP. HCM bao gồm cảng Bến Nghé, Cảng Phú Hữu, Cảng Tân Thuận Đông, Cảng Rau Quả,...khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Cái Mép – Thị Vải, Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu (như SSIT, SP-PSA, ODA Thị Vải, PTSC Phú Mỹ, ..).

#### Sơ đồ tổ chức



❖ **Công ty liên kết**

**Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong**

- Địa chỉ: Số 1B Trương Đình Hội, Phường 18, Quận 4, TP. HCM
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 40%
- Ngành nghề kinh doanh chính: bốc xếp, giao nhận và đóng gói hàng hóa, Logistics,...

**1.4 Định hướng phát triển**

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Từ khi được thành lập đến nay, SASTECO luôn tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

- Sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- Khai thác cung cấp dịch vụ cảng biển nhằm đáp ứng nhu cầu của Cảng Sài Gòn và mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ đến các cảng khác trong khu vực.
- Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông, thu hút nhà đầu tư, giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định.
- Phát triển thành một doanh nghiệp lớn mạnh, có khả năng cạnh tranh trong ngành và khu vực.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- **Trong ngắn hạn:** Tiếp tục củng cố và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu của các cảng trực thuộc Cảng Sài Gòn, đồng thời phối hợp tốt với các đơn vị vệ tinh nhằm bổ sung lực lượng cho Công ty trong những thời gian cao điểm.
- **Mục tiêu trung hạn:** Xây dựng thương hiệu của Công ty, đầu tư trang thiết bị mới và hợp tác kinh doanh với các đối tác, chủ hàng nhằm nâng cao năng lực, mở rộng thị trường ra các Cảng trong khu vực TP.HCM và các tỉnh lân cận. Xây dựng mô hình hoạt động logistics và dịch vụ hàng hải nhằm tận dụng lợi thế để đem lại lợi nhuận và hỗ trợ khách hàng. Đồng thời liên doanh, liên kết với một số đơn vị có năng lực để phát triển các dịch vụ, chức năng ngành nghề khác bên cạnh lĩnh vực chính bốc xếp hàng hóa tại cảng biển.
- **Trong dài hạn:** Phát triển thương hiệu và đẩy mạnh hoạt động Logistics, cho thuê phương tiện, trang thiết bị, và các dịch vụ hàng hải khác phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty.

❖ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Bên cạnh việc tập trung thực hiện các mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm thực hiện các mục tiêu đối với môi trường và xã hội. SASTECO đã thực hiện nhiều

hoạt động xã hội, chủ yếu hướng về người lao động trong Công ty, nhằm làm tăng tính đoàn kết trong tập thể cũng như tạo những giây phút thư giãn, vui chơi thoải mái sau những giờ làm việc mệt nhọc.

## 1.5 Các rủi ro

### ❖ Rủi ro đặc thù

- Hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ vận tải, SASTECO chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nhu cầu dịch vụ tại địa bàn các cảng mà Công ty đang hoạt động cũng như số lượng tàu cập cảng hằng năm. Nhu cầu giao thương hàng hóa còn thấp, trong khi đội ngũ tàu biển vận tải đông. Điều này dẫn đến áp lực hạ giá cước dịch vụ bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, lưu kho... ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Hệ thống giao thông tại Việt Nam chưa được đảm bảo, chất lượng cơ sở hạ tầng còn kém, dẫn đến nhiều hãng tàu, đại lý, chủ hàng ngại đưa hàng hóa về các cảng vì sẽ phát sinh nhiều chi phí trong quá trình vận chuyển, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến lượng hàng hóa về các cảng mà SASTECO cung cấp dịch vụ sụt giảm, ảnh hưởng đến việc làm cho người lao động và doanh thu, lợi nhuận của Công ty.
- Trong năm 2014, SASTECO đã có những đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, chú trọng nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra, nhân sự là một vấn đề SASTECO chú trọng. Hiện nay, nguồn nhân sự Logistics chưa được đào tạo bài bản và có trình độ còn chưa cao, do Logistics là một ngành còn tương đối mới mẻ. Hơn nữa, với đặc tính tập trung vào đầu mối, khi nhân viên nghỉ việc, Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc gầy dựng quan hệ với khách hàng. Do đó, Công ty có những chương trình đào tạo và nâng cao trình độ nhân viên, đồng thời có những chính sách quan tâm người lao động, động viên khuyến khích nhân viên gắn bó với Công ty.
- Ngoài ra, công tác bốc xếp hàng hóa của Công ty đòi hỏi số lượng lao động phổ thông lớn, đặc biệt là trong những thời gian cao điểm, tàu cập cầu cảng nhiều. Vì vậy, rủi ro về nhân sự luôn là vấn đề được Công ty đặc biệt chú trọng.
- Đặc biệt, do phải hoạt động trong môi trường tiềm ẩn nhiều yếu tố độc hại, nguy hiểm như tại các cảng biển, cùng với áp lực phải đảm bảo năng suất xếp dỡ từ các cảng, chủ hàng nên trong nhiều thời điểm người lao động của Công ty đã lơ là, không tuân thủ các quy tắc, quy trình xếp dỡ, an toàn lao động. Điều này dễ dẫn đến nhiều sự cố, tai nạn lao động đáng tiếc xảy ra, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người lao động và các chi phí Công ty phải bỏ ra để giải quyết vấn đề trên.

### ❖ Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, SASTECO chịu sự chi phối của các Luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động... Ngoài ra, là đơn vị hoạt động trên địa bàn Cảng Sài Gòn nên SASTECO còn chịu sự chi phối của các quy định được Cảng đề ra. Mọi thay đổi trong các Luật và Quy định nêu trên đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô, bao gồm chậm trễ trong cắt giảm thuế xuất nhập khẩu theo lộ trình gia nhập WTO, trong dự án cầu

cảng, những thay đổi trong chính sách xuất nhập khẩu, cũng có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, việc tuân thủ các Điều ước quốc tế, thỏa ước của Hiệp hội vận chuyển, giao nhận hàng hóa quốc tế trong khi vẫn đảm bảo bám sát các văn bản pháp luật Nhà nước về điều hành vận tải là một vấn đề Công ty phải lưu ý và thực hiện đúng quy định.

## ❖ **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro ở trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... đây là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

## **2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

| STT | Nội dung                    | TH 2013 | TH 2014 | KH 2014 | TH 2014/<br>TH 2013 | TH 2014/<br>KH 2014 |
|-----|-----------------------------|---------|---------|---------|---------------------|---------------------|
| 1   | Tổng doanh thu              | 106.304 | 177.690 | 100.000 | 167,15%             | 177,69%             |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế          | 4.164   | 4.050   | 3.664   | 97,28%              | 110,53%             |
| 3   | % Cổ tức (trên vốn Điều lệ) | 8%      | 8%      | 7%      | 100,00%             | 114,28%             |
| 4   | Thu nhập bình quân          | 6,0     | 6,2     | 5,8     | 103,87%             | 117,47%             |

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

- **Về tổng doanh thu:** Tổng doanh thu của Công ty năm 2014 đạt 177.690 triệu đồng, bằng 167,15% cùng kỳ năm 2013 và đạt vượt 177,69% kế hoạch đề ra. Doanh thu tăng là do doanh thu hoạt động chính tăng 10.114 triệu đồng và trong năm công ty có hoạt động mua bán phân bón với giá trị doanh thu là 61.752 triệu đồng.
- Nếu trừ doanh thu mua bán phân bón thì doanh thu của năm 2014 còn 115.937 triệu đồng, bằng 109,06 % cùng kỳ năm 2013 và vượt 115,94% kế hoạch đề ra. Doanh thu năm 2014 tăng chủ yếu do công ty đã tăng cường phát triển dịch vụ bốc xếp tại các cảng khu vực Phú Mỹ, cho thuê phương tiện làm sắt thép tại cảng Bến Nghé.

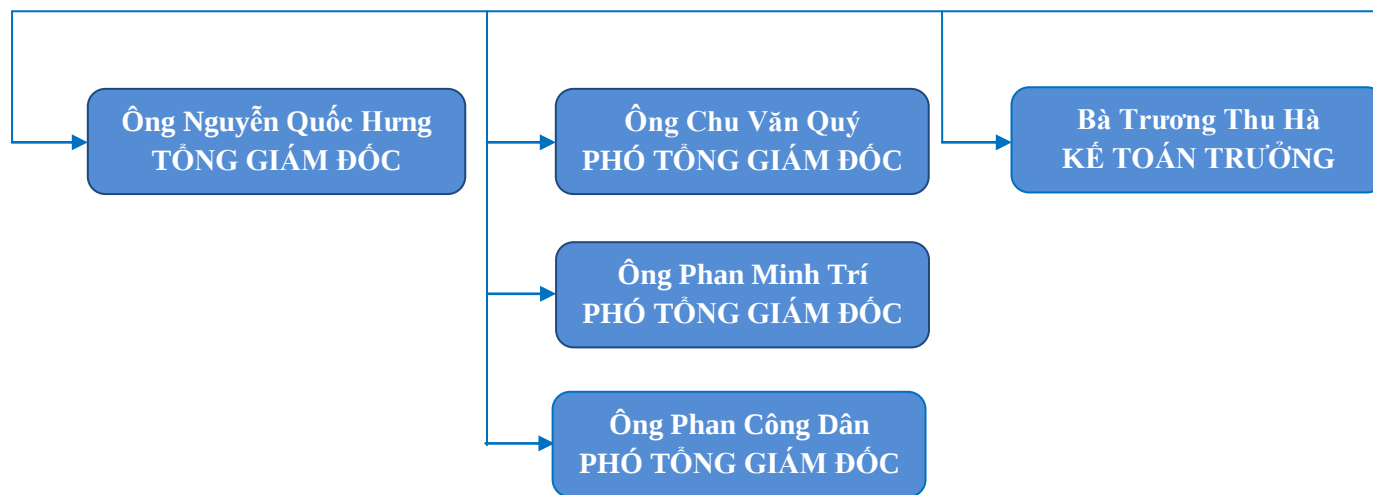
Cơ cấu doanh thu năm 2014 theo nhóm dịch vụ nhìn chung có biến động so với năm 2013. Doanh thu của Công ty 2014 chủ yếu đến từ dịch vụ bốc xếp chiếm tỷ trọng 79,04%, dịch vụ giao nhận chiếm tỷ trọng 2,27% , dịch vụ hàng hải chiếm 5,38% doanh thu, doanh thu tại văn phòng đại diện tại Bà Rịa Vũng Tàu chiếm 11,38%. Doanh thu từ các nhóm dịch vụ còn lại chiếm tỷ trọng 1,98% doanh thu Công ty.

- **Lợi nhuận sau thuế:** Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 4.050 triệu đồng, đạt 110,53% kế hoạch đề ra, nhưng lợi nhuận lại giảm 2,725% so với cùng kỳ năm 2013. Tổng chi phí năm 2014 là 172.484 triệu đồng (trong đó giá vốn mua bán phân bón là 61.729 triệu đồng) bằng 171,26% cùng kỳ năm trước ( nếu trừ chi phí giá vốn mua bán phân bón thì bằng 116,22% cùng kỳ năm trước), tốc độ tăng tổng chi phí là 71,26% lớn hơn tốc độ tăng doanh thu năm 2014 là 67,15% dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2014 giảm so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí giá vốn của lô phân bón cao và chi phí thuê phương tiện thiết bị cũng

tăng lên (hiện nay chi phí vận chuyển trang thiết bị như cạp, hộp, băng chuyền, cân điện tử,... chủ yếu phải vận chuyển bằng xà lan từ TP.HCM đi Phú Mỹ và di chuyển từ cảng ODA đi SP-PSA, SSIT và ngược lại), bên cạnh công ty đã thực hiện việc tiết kiệm các chi phí sản xuất, chi phí quản lý, đầu tư có hiệu quả các trang thiết bị nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguồn nhân lực, giảm tỷ trọng thuê ngoài, ban hành quy chế trả lương, thưởng hợp lý hơn...

## 2.2 Tổ chức và nhân sự

### ❖ Danh sách Ban điều hành



#### Ông Nguyễn Quốc Hưng

- Ngày sinh: 16/6/1971
- Là đại diện vốn cho Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn
- Đồng thời là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị SASTECO.
- Cổ phần đại diện: 1.272.800 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 31,43%

#### Ông Chu Văn Quý

- Ngày sinh: 03/5/1955
- Cổ phần sở hữu: 3.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 0,074%

#### Ông Phan Minh Trí

- Ngày sinh: 10/06/1962.
- Cổ phần sở hữu: 41.500 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 1,025%

#### Ông Phan Công Dân

- Ngày sinh: 01/05/1966.
- Cổ phần sở hữu: 4.700 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 0,116%

#### Bà Trương Thu Hà

- Ngày sinh: 12/09/1970
- Cổ phần sở hữu: 5.300 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 0,13%



❖ **Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2014:**

Ngày 17/3/2014, Hội đồng quản trị đã có Quyết định số 82/ QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Phan Công Dân giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn.

❖ **Chính sách đối với người lao động trong Công ty****Cơ cấu lao động trong Công ty**

| STT        | Tiêu chí                           | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|------------|------------------------------------|------------------|--------------|
| <b>I</b>   | <b>Theo trình độ lao động</b>      | <b>681</b>       | <b>100</b>   |
| 1          | Trình độ trên đại học              | 2                | 0,29         |
| 2          | Trình độ đại học, cao đẳng         | 65               | 9,54         |
| 3          | Trình độ trung cấp                 | 19               | 2,79         |
| 4          | Công nhân kỹ thuật                 | 123              | 18,06        |
| 5          | Lao động phổ thông                 | 472              | 69,31        |
| <b>II</b>  | <b>Theo loại hợp đồng lao động</b> | <b>681</b>       | <b>100</b>   |
| 1          | Hợp đồng không thời hạn            | 594              | 87,22        |
| 2          | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)      | 4                | 0,59         |
| 3          | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm       | 83               | 12,19        |
| <b>III</b> | <b>Theo giới tính</b>              | <b>681</b>       | <b>100</b>   |
| 1          | Nam                                | 635              | 93,25        |
| 2          | Nữ                                 | 46               | 6,75         |

(Đến ngày 31/12/2014)

| Chỉ tiêu                        | Đơn vị                 | Năm 2013 | Năm 2014 |
|---------------------------------|------------------------|----------|----------|
| Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên | người                  | 744      | 699      |
| Thu nhập bình quân              | Triệu đồng/người/tháng | 6,0      | 6,2      |

- **Chính sách tuyển dụng:** Nhân lực luôn là yếu tố được Công ty chú trọng, hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ vận tải, hàng năm Công ty cần số lượng lớn lao động phổ thông phục vụ cho hoạt động xếp dỡ hàng hóa của Công ty, Bên cạnh đó, Công ty cũng cần những cán bộ có năng lực và trình độ chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình với công việc để hỗ trợ, giúp công ty ngày càng phát triển. Vì vậy, chính sách tuyển dụng của công ty rất linh hoạt, phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.
- **Chính sách đào tạo:** Công ty luôn xem trọng công tác đào tạo cán bộ công nhân viên, với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có tác phong làm việc chuyên

nghiệp, hằng năm Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các cuộc thi và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên nhằm khuyến khích tinh thần thi đua và sáng tạo trong công việc.

- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:** Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2014, Công ty đã :
- + Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật;
  - + Đảm bảo đời sống thu nhập cho cán bộ công nhân viên, bổ sung lương vào những tháng có sản lượng thấp;
  - + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV;
  - + Tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho trên 270 CB.CNV tại Hồ Cốc và kết hợp với Công đoàn Cảng Sài Gòn tổ chức cho trên 20 CBCNV học tập và trao đổi kinh nghiệm tại cảng cam Ranh và Cảng Quy Nhơn.
  - + Tổ chức tặng quà cho công nhân viên nghỉ hưu, nhân dịp Tết Trung Thu, Tết Nguyên đán. Thăm viếng và chi trợ cấp khó khăn, đột xuất cho các trường hợp CBCNV bị ốm đau, tai nạn, tử tuất. Thăm hỏi và tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết cổ truyền, ngày quốc tế lao động và ngày thành lập Công ty.

## 2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### ➤ Đầu tư tài chính

| STT              | Các khoản đầu tư                                                                        | Số tiền (đồng)        |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1                | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn<br>(Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm)                  | 13.000.000.000        |
| 2                | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn                                                      | 6.020.000.000         |
| -                | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết<br>(CTCP Logistic Tân Thuận Phong)              | 400.000.000           |
| -                | Đầu tư dài hạn khác<br>(Cổ phiếu CTCP Cảng Quy Nhơn; Cho Cty TNHH MTV Cảng Sài Gòn vay) | 5.620.000.000         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                         | <b>19.020.000.000</b> |

Công ty đầu tư tài chính 19.020 triệu đồng, trong đó: 13.000 triệu đồng gửi tiền có kỳ hạn dưới 1 năm, 400 triệu đồng góp vốn liên kết thành lập Công ty Cổ phần Logistic Tân Thuận Phong, đầu tư 620 triệu đồng bằng việc mua 50.000 cổ phiếu CTCP Cảng Quy Nhơn và cho Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn vay 5.000 triệu đồng. Trong năm 2014, Công ty thu 1.247 triệu đồng từ tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- **Đầu tư dự án:** Trong năm 2014, Công ty đã điều chỉnh kế hoạch đầu tư xe nâng 25 tấn.

Năm 2014, Công ty có kế hoạch đầu tư trang thiết bị, công cụ, dụng cụ mới nhằm thay thế các trang thiết bị cũ, không còn sử dụng được nhằm thực hiện mục tiêu cơ giới hóa hoạt động sản xuất, kinh doanh cho thuê trang thiết bị đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng. Trong đó, tập trung vào việc đầu tư: 02 cạp 15-20m<sup>3</sup>, băng chuyền làm hàng kho bãi, hopper, cân treo điện tử, 01 xe xúc lật 3,5m<sup>3</sup>...

## 2.4 Tình hình tài chính

### ❖ Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                              | ĐVT  | Năm 2013        | Năm 2014        | Tỷ lệ 2014/2013 |
|---------------------------------------|------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Tổng tài sản                          | Đồng | 61.903.290.576  | 59.241.535.440  | 114,94%         |
| Doanh thu thuần                       | Đồng | 175.921.836.261 | 104.218.803.245 | 91,99%          |
| Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | Đồng | 19.694.922.325  | 18.961.567.266  | 112,23%         |
| Lợi nhuận khác                        | Đồng | 450.109.432     | 173.976.513     | 237,68%         |
| Lợi nhuận trước thuế                  | Đồng | 5.205.615.419   | 5.586.367.347   | 102,81%         |
| Lợi nhuận sau thuế                    | Đồng | 4.050.215.609   | 4.163.631.330   | 102,90%         |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức            | %    | 80,00%          | 77,82%          | 97,28%          |
| Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá                 | %    | 8%              | 8%              | 100,00%         |

### ❖ Hệ số tài chính

| Các chỉ tiêu                                      | Đơn vị | Năm 2013 | Năm 2014 |
|---------------------------------------------------|--------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>            |        |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                         | Lần    | 1,93     | 1,83     |
| Hệ số thanh toán nhanh                            | Lần    | 1,95     | 1,87     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                     |        |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                             | %      | 30,56%   | 33,06%   |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                           | %      | 44,00%   | 49,38%   |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>              |        |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần          | %      | 4,00%    | 2,30%    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | %      | 10,28%   | 10,00%   |

|                                                         |   |       |       |
|---------------------------------------------------------|---|-------|-------|
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân         | % | 7,03% | 6,54% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 5,19% | 2,70% |

## 2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cơ cấu cổ phần

- Tổng số cổ phần phát hành: 4.050.000 cổ phần
  - Cổ phiếu quỹ: 99.100 cổ phần
  - Cổ phiếu đang lưu hành: 3.950.900 cổ phần
    - + Cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.935.900 cổ phần
    - + Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 15.000 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

### b. Cơ cấu cổ đông

| STT              | Loại cổ đông              | Số lượng cổ đông | Số cổ phần       | Giá trị (đồng)        | Tỷ lệ sở hữu/VĐL |
|------------------|---------------------------|------------------|------------------|-----------------------|------------------|
| I                | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>478</b>       | <b>3.950.900</b> | <b>39.509.000.000</b> | <b>97,55%</b>    |
| 1                | Cổ đông nhà nước          | 1                | 2.082.800        | 20.828.000.000        | 51,43%           |
| 2                | Cổ đông tổ chức           | 4                | 415.000          | 4.150.000.000         | 10,25%           |
| 3                | Cổ đông cá nhân           | 473              | 1.453.100        | 14.531.000.000        | 35,88%           |
| II               | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | -                | -                | -                     | <b>0%</b>        |
| 1                | Cổ đông tổ chức           | -                | -                | -                     | 0%               |
| 2                | Cổ đông cá nhân           | -                | -                | -                     | 0%               |
| III              | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | -                | <b>99.100</b>    | <b>991.000.000</b>    | <b>2,45%</b>     |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>478</b>       | <b>4.050.000</b> | <b>40.500.000.000</b> | <b>100%</b>      |

#### ➤ Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên cổ đông                              | Địa chỉ                                                      | Số lượng (CP) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ % biểu quyết |
|-----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------|----------------|--------------------|
| 1   | Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn            | Số 3 Nguyễn Tất Thành Phường 12 - Quận 4 TPHCM               | 2.082.800     | 20.828.000.000 | 52,72              |
| 2   | CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ | Số 1D Phạm Ngũ Lão P Thới Bình - quận Ninh Kiều - TP Cần thơ | 202.500       | 2.025.000.000  | 5,13               |

|                  |                         |                                                      |                  |                       |              |
|------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|------------------|-----------------------|--------------|
| 3                | CTCP Vật Tư<br>Nông Sản | Số 14 Ngõ Tất Tố, Văn<br>Miếu, Q. Đống Đa, Hà<br>Nội | 202.500          | 2.025.000.000         | 5,13         |
| <b>Tổng cộng</b> |                         |                                                      | <b>2.487.800</b> | <b>24.878.000.000</b> | <b>62,97</b> |

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm**

- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi giao dịch: 99.100 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm: 0 cổ phiếu

e. **Các chứng khoán khác:** Không có.

### 3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2014, mặc dù vẫn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Ban Tổng giám đốc cũng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tập trung chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo sự phát triển ổn định, hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Theo Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán)

ĐVT: đồng

| STT | CHỈ TIÊU                                               | NĂM 2013               | NĂM 2014               |
|-----|--------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 104.218.803.245        | 175.921.836.261        |
| 2   | Các khoản giảm trừ doanh thu                           |                        |                        |
| 3   | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>104.218.803.245</b> | <b>175.921.836.261</b> |
| 4   | Gái vốn bán hàng                                       | 85.257.235.979         | 156.226.913.936        |
| 5   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 18.961.567.266         | 19.694.922.325         |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính                          | 1.728.477.191          | 1.247.615.367          |
| 7   | Chi phí tài chính                                      |                        |                        |
| 8   | Chi phí bán hàng                                       |                        |                        |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 15.277.653.623         | 16.187.031.705         |
| 10  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                | 5.412.390.834          | 4.755.505.987          |
| 11  | Thu nhập khác                                          | 356.910.913            | 520.922.727            |

|           |                                          |                      |                      |
|-----------|------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| 12        | Chi phí khác                             | 182.934.400          | 70.813.295           |
| 13        | Lợi nhuận khác                           | 173.976.513          | 450.109.432          |
| <b>14</b> | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> | <b>5.586.367.347</b> | <b>5.205.615.419</b> |
| 15        | Chi phí thuế TNDN hiện hành              | 1.422.736.017        | 1.155.399.810        |
| <b>16</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>           | <b>4.163.631.330</b> | <b>4.050.215.609</b> |
| 17        | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                 | 1.033                | 1.025                |

Doanh thu toàn Công ty năm 2014 đạt 177.690 triệu đồng đạt 177,69% kế hoạch, bằng 167,15% so với cùng kỳ năm ngoái; lợi nhuận sau thuế là 4.050 triệu đồng đạt 110,53% kế hoạch, bằng 97,28% so với 2013. Để đạt được kết quả kinh doanh như trên, trong năm qua Công ty đã có những thuận lợi cũng như phải đối mặt với những khó khăn cụ thể như sau:

#### ❖ Thuận lợi

- Công ty vẫn tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ có hiệu quả của Ban lãnh đạo Cảng Sài Gòn và các cảng trực thuộc Cảng Sài Gòn và các cổ đông chiến lược trong việc tạo điều kiện để Công ty luôn có việc làm, tạo doanh thu và thu nhập ổn định cho người lao động.
- Tháng 03/2014, Công ty đã bổ nhiệm thêm 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực kinh doanh. Phó Tổng giám đốc mới đã cùng với Ban điều hành Công ty không ngừng nỗ lực, tiếp thị dịch vụ, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tìm kiếm nguồn hàng, mang lại dịch vụ cho Công ty, tạo việc làm cho người lao động.
- Đội ngũ công nhân lành nghề, được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp; cùng với các trang thiết bị được đầu tư, cải tiến, sửa chữa phù hợp với việc làm tất cả các loại hàng nên được khách hàng đánh giá rất cao về năng suất làm hàng, chất lượng dịch vụ của Công ty.

#### ❖ Khó khăn

- Đa số các phương tiện, trang thiết bị của Công ty đã cũ, thời gian sử dụng đã lâu nên thường xuyên bị hư hỏng, thời gian sửa chữa kéo dài làm ảnh hưởng đến công tác sản xuất và chi phí sửa chữa cũng tăng cao.
- Lực lượng trực ban của Công ty đã được bổ sung, thay thế nhưng do còn trẻ và ít kinh nghiệm nên công tác phối hợp với các đơn vị và xử lý các sự việc phát sinh tại hiện trường sản xuất còn hạn chế.
- Ý thức của công nhân trong việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, công cụ, dụng cụ của Công ty khi làm hàng còn hạn chế. Ngoài ra, yêu cầu đảm bảo năng suất, tiến độ giải phóng tàu từ phía chủ hàng, các cảng cũng là nguyên nhân dẫn đến tuổi thọ của công cụ, dụng cụ giảm đi rất nhiều và Công ty phải tốn kém chi phí rất lớn để đầu tư thay thế nhằm đảm bảo phục vụ sản xuất.
- Tiền chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã nhiều năm làm việc tại Cảng Sài Gòn vẫn còn rất lớn (trong năm 2014 là 2.340.247.875 đồng) và sẽ còn tiếp tục gây khó khăn cho Công ty trong những năm tiếp theo.

**Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong thi đua, cải tiến kỹ thuật**

- Trong năm 2014, nhằm tiết giảm các chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động và tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty, tập thể CBCNV các đơn vị đã không ngừng sáng tạo, đề xuất và thực hiện các ý tưởng cải tiến các trang thiết bị hiện có của Công ty như: Hoán cải hệ thống đóng gói hàng xá Tokai thành hộp cao xô xá giao thẳng; Cải tiến tăng thêm công dụng băng tải 10m; Cải tiến hộp xô xá cửa bên xuống xà lan...
- Nhằm động viên tinh thần của CBCNV, Hội đồng sáng kiến Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn đã tiến hành họp xét duyệt các hồ sơ đăng ký sáng kiến của cán bộ công nhân viên đơn vị và nhất trí đề nghị Tổng giám đốc khen thưởng 39.550.000 đồng cho 03 sáng kiến, ý tưởng, giải pháp kỹ thuật đã mang lại hiệu quả cho công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty đã phát động nhiều phong trào thi đua trong toàn thể CBCNV lập thành tích chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước và Công ty. Qua đó đã tạo không khí hăng hái thi đua sôi nổi trong cán bộ công nhân viên, góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014.

**3.2 Tình hình tài chính**

Ban điều hành Công ty luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính, tổ chức hạch toán kế toán phù hợp các Chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Công tác quyết toán tài chính được quan tâm, đảm bảo chính xác, kịp tiến độ, đúng thời gian. Thực hiện việc kiểm toán cuối năm đúng quy định, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ tại các bộ phận, đơn vị cơ sở. Thực hiện tốt nghĩa vụ công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng.

**a. Tình hình tài sản**

ĐVT: đồng

| Chỉ tiêu                | Năm 2013              | Năm 2014              | TH 2014/<br>TH 2013 | Tỷ trọng<br>2013 | Tỷ trọng<br>2014 |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|------------------|------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> | 35.354.211.791        | 38.197.850.155        | 108,04%             | 59,68%           | 61,71%           |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>  | 23.887.323.649        | 23.705.440.421        | 99,24%              | 40,32%           | 38,29%           |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>     | <b>59.241.535.440</b> | <b>61.903.290.576</b> | <b>104,49%</b>      | <b>100%</b>      | <b>100%</b>      |

Tổng tài sản năm 2014 là 61.903 triệu đồng tăng 4,49% so với cùng kỳ năm trước nguyên do Tài sản ngắn hạn 2014 tăng 35.354 lên 38.197 triệu đồng chủ yếu do khoản tăng 5.180 triệu đồng từ các khoản phải thu ngắn hạn.

**b. Tình hình nợ phải trả**

| Chỉ tiêu           | Năm 2013              | Năm 2014              | TH 2014/<br>TH 2013 | Tỷ trọng<br>2013 | Tỷ trọng<br>2014 |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|------------------|------------------|
| <b>Nợ ngắn hạn</b> | 18.040.678.602        | 20.401.007.573        | 113,08%             | 99,66%           | 99,69%           |
| <b>Nợ dài hạn</b>  | 60.818.182            | 63.479.932            | 104,38%             | 0,34%            | 0,31%            |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b> | <b>18.101.496.784</b> | <b>20.464.487.505</b> | <b>113,05%</b>      | <b>100%</b>      | <b>100%</b>      |

ĐVT: đồng

Nợ phải trả năm 2014 là 20.464 triệu đồng tăng 13,05% so với cùng kỳ năm trước. Nợ phải trả tăng chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng 18.040 triệu đồng lên 20.464 triệu đồng nguyên nhân chính từ nợ phải trả cho người bán tăng lên 1.885 triệu đồng.

### 3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và đặc biệt chú trọng đến lực lượng trực tiếp sản xuất. Trong đó, nhằm thống nhất trong việc chỉ đạo, điều hành và tăng cường năng lực cho các tổ bốc xếp, Công ty đã tiến hành:
  - + Xóa phiên hiệu Tổ bốc xếp 4 và 8 (chuyên về hàng xá, bao) thuộc Phòng Khai thác và thành lập Tổ Bốc xếp 9 với lực lượng công nhân từ 02 tổ trên.
  - + Xóa phiên hiệu Tổ Kéo máy 22 và 23 thuộc Phòng Khai thác và thành lập Tổ Bốc xếp 24 với lực lượng công nhân từ 02 tổ 22, 23.
- Như vậy, hiện tại Công ty có 08 tổ bốc xếp, gồm 02 tổ bốc xếp container, 03 tổ bốc xếp tàu, 02 tổ kéo máy và 01 tổ bốc xếp kho bãi. Sau khi sắp xếp lại, năng suất lao động và thu nhập của CBCNV trong tổ tăng lên đáng kể.
- Tính đến thời điểm 01/01/2015, tổng số CBCNV của Công ty là 673 người, giảm 81 người so với đầu năm. Trong đó:
  - + Công nhân trực tiếp: 520 người
  - + Gián tiếp – phục vụ: 153 người
- Trong năm 2014, Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với 123 người và thực hiện việc chi trả trợ cấp thôi việc với số tiền: 2.340.247.875 đồng.
- Nhờ sự cố gắng không ngừng của Ban điều hành Công ty trong việc tiếp thị, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm nguồn hàng, triển khai thực hiện dịch vụ mới đã mang lại nguồn doanh thu cho Công ty và việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, qua đó đảm bảo đời sống vật chất, cũng như tinh thần của từng công nhân viên.
- Công ty thực hiện việc tính đúng, đủ và chi trả tiền lương đúng thời hạn quy định tại Quy chế trả lương và Thỏa ước lao động tập thể Công ty.
- Ngoài tiền lương được nhận hàng tháng, CBCNV còn được nhận thưởng nhân các ngày lễ, Tết, kỷ niệm như: Ngày Chiến thắng 30/4, ngày Quốc khánh 02/9, ngày thành lập Công ty 01/10, Tết dương lịch...
- Thu nhập bình quân năm 2014 của công nhân viên là: 6.233.080 đồng/người, tăng 3,87% so với năm 2013.

### 3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### a. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2015

- Tiếp tục xác định hoạt động cung cấp dịch vụ bốc xếp, đóng gói hàng hóa tại Cảng Sài Gòn là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.
- Triển khai và đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ hàng hải (đổ rác, cấp nước, cấp nhiên liệu), logistics và một số dịch vụ hàng hải khác. Cương quyết và phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để xử lý các trường hợp tàu vào cảng không thực hiện đổ rác đúng quy định.
- Mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty sang những ngành nghề kinh doanh khác, bên cạnh lĩnh vực chính là bốc xếp hàng hóa tại cảng biển.
- Tiếp tục cung cấp dịch vụ và khẳng định thương hiệu, vị trí của Công ty tại khu vực các cảng Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng bằng sông Cửu Long.



- Áp dụng các giải pháp, hình thức tuyên truyền, kiểm tra công tác đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm an toàn lao động nhằm hạn chế các trường hợp tai nạn lao động, đặc biệt là tai nạn lao động nặng.

- Kế hoạch sản xuất trong năm 2015:

+ Sản lượng bốc xếp: 10 triệu tấn hàng hóa

+ Doanh thu: 110 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 5,350 tỷ đồng

+ Cổ tức: 8%.

+ Thu nhập bình quân (có lương tháng 13): 6,8 triệu đồng/người/tháng.

## **b. Giải pháp thực hiện**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh của Công ty năm 2015 và những năm tới, Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

a) Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn nhằm tiết kiệm lao động, đạt hiệu quả cao trong hoạt động. Tăng cường công tác quản lý lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng yêu cầu của Cảng. Tiếp tục là đơn vị chủ lực làm hàng tại Cảng Sài Gòn và tập trung vào các nhóm hàng container, sắt thép thiết bị, hàng xá và đóng/rút ruột container tại bãi.

b) Đầu tư trang thiết bị, công cụ, dụng cụ mới nhằm thay thế các trang thiết bị cũ, không còn sử dụng được nhằm thực hiện mục tiêu cơ giới hóa hoạt động sản xuất, kinh doanh cho thuê trang thiết bị đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng. Trong đó, tập trung vào việc đầu tư: 01 xe nâng 25 tấn, 01 cặp 20-25m<sup>3</sup>, cân treo điện tử 40-50T, băng chuyền, ...

c) Liên kết với các đơn vị như Tân Thuận Phong, An Phúc, ĐGSG, Thành công Lợi, Hữu Hóa, Lê quân, Biển xanh Việt,... để đảm bảo đủ nhân lực thực hiện các khâu bốc xếp, đóng gói, thiết bị và giao nhận đối với nhóm hàng bao và hàng đóng gói tại cầu tàu cũng như tại bãi Cảng.

d) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị tìm nguồn hàng đặc biệt là hàng gạo, khoai mì lát, sắt thép thiết bị chuyển tải.. Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường tiếp thị và khẳng định vị trí, thương hiệu của Công ty tại các cảng khu vực TP. Hồ Chí Minh (Bến Nghé, Tân Thuận Đông, Rau Quả, Lotus, Phú Hữu...), khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu (SSIT, SPPSA, SITV, ODA Thị Vải...) và Đồng bằng sông Cửu Long.

e) Hoàn thiện Nội quy lao động nhằm tăng cường tính kỷ luật, tác phong làm việc của CBCNV Công ty.

f) Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo đội ngũ nhân viên trực ban nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, điều hành hoạt động sản xuất và xử lý các sự vụ phát sinh tại hiện trường hợp lý hơn và đúng quy định.

g) Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo thu nhập, tiền lương cho công nhân viên, tổ chức cho công nhân viên đi tham quan, nghỉ dưỡng vào thời gian và địa điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **4.1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Ban quản lý, điều hành Công ty với nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng biển, có tâm huyết và nắm bắt kịp thời nhu cầu của thị trường đã đề ra định hướng và mục tiêu phát triển Công ty theo từng thời kỳ một cách phù hợp. Vì vậy, trong năm

qua Công ty đã có nhiều thay đổi để phù hợp với hoạt động kinh doanh trong tình hình nền kinh tế khó khăn và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn giữa các đối thủ trong ngành.

- Công ty đã tiến hành việc giải thể những tổ chức có năng lực yếu, sắp xếp lại các tổ chức và định biên lại nhân sự các phòng ban, đơn vị trực thuộc.
- Thực hiện tốt việc cải tiến và đầu tư mới các trang thiết bị làm hàng phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

***Nhìn chung,** với nỗ lực phấn đấu hết mình của cán bộ công nhân viên, tập thể SASTECO đã đạt được những thành quả rất đáng trân trọng. Tổng doanh thu năm 2014 đạt 177.690 triệu đồng đạt vượt mức 177,69% kế hoạch đề ra và bằng 167,15% cùng kỳ năm ngoái; lợi nhuận sau thuế đạt 4.050 triệu đồng bằng 110,53% kế hoạch, chỉ đạt 97,28% so với cùng kỳ 2013. Kết quả là nỗ lực của toàn thể Công ty trong năm qua, điều này cũng cho thấy những cải tiến sáng tạo trong tổ chức cũng như hoạt động kinh doanh đã đem lại kết quả tích cực.*

#### **4.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Ban Tổng giám đốc và đội ngũ quản lý là những người có năng lực, đoàn kết, với tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị:

- ❖ Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển được Đại hội đồng cổ đông.
- ❖ Định kỳ, hàng tuần, hàng tháng tổ chức các cuộc họp giao ban sản xuất, kinh doanh phổ biến các quy định, chủ trương, chính sách của Hội đồng quản trị đến từng công nhân viên.
- ❖ Đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo sự phát triển ổn định, hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

#### **4.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

##### **a. Kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới**

**Ngắn hạn:** Tiếp tục sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, nhân sự của các đơn vị trực thuộc nhằm hợp lý hóa sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm khách hàng, dịch vụ mới mang lại nguồn doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

**Trung hạn:** xây dựng thương hiệu của công ty, đầu tư trang thiết bị mới đáp ứng yêu cầu làm hàng tại các cảng trực thuộc Cảng Sài Gòn, đồng thời nâng cao năng lực của Công ty khi triển khai thực hiện dịch vụ tại các cảng khu vực Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Dài hạn:** Phát triển thương hiệu và đẩy mạnh hoạt động Logistics, cho thuê phương tiện, trang thiết bị, dịch vụ hàng hải và các dịch vụ khác phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty.

##### **b. Định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2015 đến năm 2016**

- Lợi nhuận sau thuế trên 4 tỷ đồng.
- Cổ tức bình quân hàng năm đạt từ 7% đến 10%.

- Tiền lương bình quân của người lao động tăng bình quân hàng năm từ 5% đến 10%.

### c. Biện pháp chủ yếu

Để thực hiện những mục tiêu trên Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chuyên môn thực hiện các vấn đề sau:

a) Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn nhằm tiết kiệm lao động, đạt hiệu quả cao trong hoạt động. Tăng cường công tác quản lý lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng yêu cầu của Cảng. Tiếp tục là đơn vị chủ lực làm hàng tại Cảng Sài Gòn và tập trung vào các nhóm hàng container, sắt thép thiết bị, hàng xá và đóng/rút ruột container tại bãi.

b) Đầu tư trang thiết bị, công cụ, dụng cụ mới nhằm thay thế các trang thiết bị cũ, không còn sử dụng được nhằm thực hiện mục tiêu cơ giới hóa hoạt động sản xuất, kinh doanh cho thuê trang thiết bị đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng. Trong đó, tập trung vào việc đầu tư: 01 xe nâng 25 tấn, 01 cặp 20-25m<sup>3</sup>, cân treo điện tử 40-50T, băng chuyền, ...

c) Liên kết với các đơn vị như Tân Thuận Phong, An Phúc, ĐGSG, Thành công Lợi, Hữu Hóa, Lê quân, Biển xanh Việt,... để đảm bảo đủ nhân lực thực hiện các khâu bốc xếp, đóng gói, thiết bị và giao nhận đối với nhóm hàng bao và hàng đóng gói tại cầu tàu cũng như tại bãi Cảng.

d) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị tìm nguồn hàng đặc biệt là hàng gạo, khoai mì lát, sắt thép thiết bị chuyển tải.. Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường tiếp thị và khẳng định vị trí, thương hiệu của Công ty tại các cảng khu vực TP. Hồ Chí Minh (Bến Nghé, Tân Thuận Đông, Rau Quả, Lotus, Phú Hữu...), khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu (SSIT, SPPSA, SITV, ODA Thị Vải...) và Đồng bằng sông Cửu Long.

e) Hoàn thiện Nội quy lao động nhằm tăng cường tính kỷ luật, tác phong làm việc của CBCNV Công ty.

f) Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo đội ngũ nhân viên trực ban nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, điều hành hoạt động sản xuất và xử lý các sự vụ phát sinh tại hiện trường hợp lý hơn và đúng quy định.

g) Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo thu nhập, tiền lương cho công nhân viên, tổ chức cho công nhân viên đi tham quan, nghỉ dưỡng vào thời gian và địa điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

## 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 5.1 Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu HĐQT

| STT | Họ và tên             | Chức vụ                             | Thành viên điều hành | Tỷ lệ nắm giữ                                                                                              |
|-----|-----------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Quốc Hưng      | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc    | Thành viên điều hành | - Sở hữu cá nhân: 3.000 cp (0,074%)<br>- Đại diện vốn Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn: 1.272.800 cp (31,43%) |
| 2   | Nguyễn Thị Phương Nga | Thành Viên HĐQT                     | Không                | - Sở hữu cá nhân: 0 cp (0%)<br>- Đại diện vốn Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn: 607.500 cp (15%)              |
| 3   | Trương Thu Hà         | Thành Viên HĐQT kiêm Kế toán Trưởng | Thành viên điều hành | - Sở hữu cá nhân: 5.300 cp (0,13%)<br>- Đại diện vốn: 0 cp (0%)                                            |

|   |                  |                 |       |                                                                                                      |
|---|------------------|-----------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | Nguyễn Tiến Dũng | Thành Viên HĐQT | Không | - Sở hữu cá nhân: 0 cp (0%)<br>- Đại diện vốn CTCP Vật tư Nông sản: 202.500 cp (5%)                  |
| 5 | Võ Hoàng Giang   | Thành Viên HĐQT | Không | - Sở hữu cá nhân: 10.000 cp (0,25%)<br>- Đại diện vốn Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn: 202.500 cp (5%) |

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị :** Không có

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

| STT | Họ và tên             | Chức vụ         | Số buổi tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự        |
|-----|-----------------------|-----------------|-----------------|-------|----------------------------|
| 1   | Nguyễn Quốc Hưng      | Chủ tịch HĐQT   | 3/3             | 100%  | Thành viên điều hành       |
| 2   | Nguyễn Thị Phương Nga | Thành Viên HĐQT | 3/3             | 100%  | Thành viên không điều hành |
| 3   | Trương Thu Hà         | Thành Viên HĐQT | 3/3             | 100%  | Thành viên điều hành       |
| 4   | Nguyễn Tiến Dũng      | Thành Viên HĐQT | 3/3             | 100%  | Thành viên không điều hành |
| 5   | Võ Hoàng Giang        | Thành Viên HĐQT | 3/3             | 100%  | Thành viên không điều hành |

HĐQT đã tiến hành 03 phiên họp định kỳ, thực hiện đúng các chức năng và quyền hạn của mình. Đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị còn tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị vào các ngày 07/01, 11/03, 17/03, 09/7, 30/7, 12/9, 10/10 và 17/11/2014 về các vấn đề: Thanh lý 02 hopper đóng hàng rời; điều động, miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự; Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn; Bổ nhiệm Phó Trưởng Phòng Tổ chức Tiền lương; Thanh lý 06 khung cầu container; Miễn nhiệm chức danh Phó Trưởng Phòng Kinh doanh Dịch vụ; Mua xe xúc lật 2,3m<sup>3</sup> đã qua sử dụng và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 3 và 09 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn.

➤ **Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2014**

| STT | Nghị quyết | Ngày       | Nội dung                                               |
|-----|------------|------------|--------------------------------------------------------|
| 1   | 03/NQ-HĐQT | 13/01/2014 | Về việc thanh lý 02 Hopper đóng hàng rời               |
| 2   | 31/NQ-HĐQT | 20/02/2014 | Về nội dung Phiên họp ngày 19 tháng 02 năm 2014        |
| 3   | 68/QĐ-HĐQT | 10/3/2014  | Về việc thành lập Phòng Khai thác                      |
| 4   | 69/QĐ-HĐQT | 10/3/2014  | Về việc thành lập Phòng Kinh doanh và Dịch vụ          |
| 5   | 80/NQ-HĐQT | 14/3/2014  | Về việc điều động, miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự      |
| 6   | 82/QĐ-HĐQT | 17/3/2014  | Về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xếp |

|    |             |            |                                                                                                                                                    |
|----|-------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |             |            | dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn                                                                                                                         |
| 7  | 97/NQ-HĐQT  | 21/3/2014  | Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn                   |
| 8  | 211/NQ-HĐQT | 06/6/2014  | Về nội dung Phiên họp ngày 05 tháng 6 năm 2014                                                                                                     |
| 9  | 241/NQ-HĐQT | 14/7/2014  | Về việc bổ nhiệm Phó Trưởng Phòng Tổ chức Tiền lương                                                                                               |
| 10 | 269/NQ-HĐQT | 31/7/2014  | Về việc thanh lý 06 khung cầu container                                                                                                            |
| 11 | 321/NQ-HĐQT | 16/9/2014  | Về việc miễn nhiệm chức danh Phó Trưởng Phòng Kinh doanh Dịch vụ                                                                                   |
| 12 | 338/NQ-HĐQT | 01/10/2014 | Về nội dung Phiên họp ngày 30 tháng 9 năm 2014                                                                                                     |
| 13 | 345/NQ-HĐQT | 13/10/2014 | Về việc mua xe xúc lật dung tích 2,3m <sup>3</sup> đã qua sử dụng                                                                                  |
| 14 | 374/NQ-HĐQT | 24/11/2014 | Về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 3 và 09 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn. |

➤ Bên cạnh đó, trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tiến hành các hoạt động giám sát như sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Ban Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo trực tiếp Tổng giám đốc nhằm đảm bảo việc thực thi đúng và đầy đủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và đầu tư 2013; Triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2014; Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2015.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn vào lúc 08 giờ 00 ngày 27 tháng 03 năm 2014 tại Hội trường Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn (Số 1B Trương Đình Hội, phường 18, quận 4, TP. HCM).
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai và hoàn tất công tác kiểm toán cho năm tài chính 2013 và công bố các thông tin theo quy định của pháp luật.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban, họp kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty, kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Đánh giá chung:** Ban Tổng giám đốc và đội ngũ quản lý là những người có năng lực, đoàn kết, với tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đã tổ chức chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động

*của Công ty theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua.*

**d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**

Hội đồng Quản trị Công ty có 03 thành viên HĐQT không điều hành là Bà Nguyễn Thị Phương Nga, Ông Nguyễn Tiến Dũng và Ông Võ Hoàng Giang. Trong năm 2014, các thành viên này đều tham gia đầy đủ các cuộc họp từ thời điểm được bổ nhiệm, đồng thời đóng góp những ý kiến tích cực vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của HĐQT.

**e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

**f. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo/ tham gia các chương trình về quản trị Công ty:** Không có.

**5.2 Ban Kiểm soát**

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên        | Chức vụ        | Tỷ lệ nắm giữ                                                                                               |
|-----|------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Ngọc Tâm  | Trưởng Ban     | - Sở hữu cá nhân: 0 cp (0%)<br>- Đại diện vốn: 0 cp (0%)                                                    |
| 2   | Nguyễn Anh Thành | Thành viên BKS | - Sở hữu cá nhân: 5.000 cp (0,123%)<br>- Đại diện vốn: 0 cp (0%)                                            |
| 3   | Lý Thanh Tùng    | Thành viên BKS | - Sở hữu cá nhân: 0 cp (0%)<br>- Đại diện vốn vốn CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ: 202.500 cp (5%) |

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Quản lý khác trong Công ty.
- Giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Tiến hành kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2014.
- Thực hiện một số công việc khác theo quyết định của Đại hội cổ đông, quy định của Điều lệ và pháp luật.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2014:

- Lần 1: Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2014 của Công ty
- Lần 2: Thực hiện công tác soát xét 6 tháng đầu năm 2014.
- Lần 3: Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh quý III/2014 của Công ty
- Lần 4: Thực hiện công tác soát xét cả năm 2014.

### 5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

#### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm

| STT                      | Họ tên                | Chức vụ                        | Lương              | Thưởng            | Thù lao/ lợi ích khác | Tổng cộng          |
|--------------------------|-----------------------|--------------------------------|--------------------|-------------------|-----------------------|--------------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b> | Nguyễn Quốc Hưng      | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc    | 275.368.237        | 13.000.000        | 48.000.000            | <b>336.368.237</b> |
|                          | Nguyễn Tiến Dũng      | Thành viên                     | -                  | 7.000.000         | 36.000.000            | <b>43.000.000</b>  |
|                          | Nguyễn Thị Phương Nga | Thành viên                     | -                  | 7.000.000         | 36.000.000            | <b>43.000.000</b>  |
|                          | Trương Thu Hà         | Thành viên kiêm Kế toán Trưởng | 216.242.588        | 10.000.000        | 36.000.000            | <b>262.242.588</b> |
|                          | Võ Hoàng Giang        | Thành viên                     | -                  | 7.000.000         | 36.000.000            | <b>43.000.000</b>  |
|                          | <b>Tổng cộng</b>      |                                | <b>491.610.825</b> | <b>44.000.000</b> | <b>192.000.000</b>    | <b>727.610.825</b> |
| <b>Ban Điều hành</b>     | Nguyễn Quốc Hưng      | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc    |                    |                   |                       |                    |
|                          | Phan Minh Trí         | Phó Tổng Giám đốc              | 161.400.261        | 2.000.000         | -                     | <b>163.400.261</b> |
|                          | Chu Văn Quý           | Phó Tổng Giám đốc              | 163.552.159        | 2.000.000         | -                     | <b>165.552.159</b> |
|                          | Phan Công Dân         | Phó Tổng Giám đốc              | 112.738.836        | 2.000.000         |                       | <b>114.738.836</b> |
|                          | Trương Thu Hà         | Kế toán Trưởng                 |                    |                   |                       |                    |
|                          | <b>Tổng cộng</b>      |                                | <b>437.691.256</b> | <b>6.000.000</b>  |                       | <b>443.691.256</b> |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     | Nguyễn Ngọc Tâm       | Trưởng Ban                     | -                  | 5.000.000         | 30.000.000            | <b>31.000.000</b>  |
|                          | Nguyễn Anh Thành      | Thành viên                     | 154.085.898        | 5.000.000         | 18.000.000            | <b>168.597.285</b> |
|                          | Lý Thanh Tùng         | Thành viên                     | -                  | 5.000.000         | 18.000.000            | <b>19.000.000</b>  |
|                          | <b>Tổng cộng</b>      |                                | <b>154.085.898</b> | <b>15.000.000</b> | <b>66.000.000</b>     | <b>235.085.898</b> |

ĐVT: đồng

#### b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                            | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   | Nguyễn Thị Thúy Vinh      | Vợ Nguyễn Quốc Hưng        |                           |       | 10.900                     | 0.269 | Mua                                                |
| 2   | Đỗ Kim Lộc                | Chồng Trương Thu Hà        |                           |       | 7.600                      | 0.187 | Mua                                                |



c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị công ty theo qui định theo Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 5.4 Ý kiến kiểm toán:



Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mê Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
Tel: (+84 4) 38689 566/88 • Fax: (+84 4) 38686 248 • Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

Số: 728/BCKT/TC /NV8

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn lập ngày 10/02/2015, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



***Ý kiến kiểm toán***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Ths. Nguyễn Bảo Trung**

**Phó Giám đốc**

*Số Giấy Chứng nhận ĐKNH kiểm toán :*

**0373 - 2014 - 126 - 1**

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

*Hà Nội, Ngày 09 tháng 03 năm 2015*

**Ths. Nguyễn Thành Công**

**Kiểm toán viên**

*Số Giấy Chứng nhận ĐKNH kiểm toán :*

**1912 - 2014 - 126 - 1**

## 5.5 Báo cáo tài chính được kiểm toán

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: đồng

| TÀI SẢN                                            | MÃ SỐ      | TM       | SỐ CUỐI KỲ            | SỐ ĐẦU NĂM            |
|----------------------------------------------------|------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A-TÀI SẢN NGÂN HẠN(100=110+120+130+140+150)</b> | <b>100</b> |          | <b>38.197.850.155</b> | <b>35.354.211.791</b> |
| <b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> |          | <b>10.183.050.961</b> | <b>13.684.355.488</b> |
| 1.Tiền                                             | 111        | V.0<br>1 | 10.183.050.961        | 13.684.355.488        |
| 2.Các khoản tương đương tiền                       | 112        |          |                       |                       |
| <b>II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b> |          | <b>13.000.000.000</b> | <b>12.000.000.000</b> |
| 1. Đầu tư ngắn hạn (TK 121,128)                    | 121        |          | 13.000.000.000        | 12.000.000.000        |
| 2.Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (TK 129 )      | 129        |          |                       |                       |
| <b>III.Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> | V.0<br>2 | <b>14.292.199.925</b> | <b>9.112.201.792</b>  |
| 1.Phải thu của khách hàng                          | 131        |          | 13.608.672.480        | 8.589.200.243         |
| 2.Trả trước cho người bán                          | 132        |          | 109.100.000           | 267.072.000           |
| 3.Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |          |                       |                       |
| 4.Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng          | 134        |          |                       |                       |
| 5.Các khoản phải thu khác                          | 135        | V.0<br>3 | 574.427.445           | 255.929.549           |
| 6.Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi     | 139        |          |                       |                       |
| <b>IV.Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |          | <b>658.959.269</b>    | <b>422.414.511</b>    |
| 1.Hàng tồn kho                                     | 141        | V.0<br>4 | 658.959.269           | 422.414.511           |
| 2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |          |                       |                       |
| <b>V.Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |          | <b>63.640.000</b>     | <b>135.240.000</b>    |
| 1.Chí phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |          |                       |                       |
| 2.Thuế GTGT được khấu trừ                          | 152        |          |                       |                       |
| 3.Thuế và các khoản phải thu nhà nước              | 154        | V.0<br>5 |                       |                       |
| 4.Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        |          | 63.640.000            | 135.240.000           |
| <b>B.TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+250+260)</b>      | <b>200</b> |          | <b>23.705.440.421</b> | <b>23.887.323.649</b> |
| <b>I.Các khoản phải thu dài hạn</b>                | <b>210</b> |          | -                     | -                     |
| <b>II.Tài sản cố định</b>                          | <b>220</b> |          | <b>17.027.931.378</b> | <b>16.834.627.934</b> |
| 1.TSCĐ hữu hình                                    | 221        | V.0<br>8 | 16.874.359.378        | 16.814.627.934        |
| -Nguyên giá                                        | 222        |          | 52.700.268.330        | 49.077.379.869        |
| -Giá trị hao mòn lũy kế                            | 223        |          | (35.825.908.952)      | (32.262.751.935)      |
| 2.TSCĐ vô hình                                     | 227        | V.1<br>0 | 153.572.000           |                       |
| -Nguyên giá                                        | 228        |          | 153.572.000           |                       |
| -Giá trị hao mòn lũy kế                            | 229        |          |                       |                       |
| 3.Chí phí xây dựng cơ bản dở dang                  | 230        | V.1<br>1 |                       | 20.000.000            |
| <b>III.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>      | <b>250</b> |          | <b>6.020.000.000</b>  | <b>6.020.000.000</b>  |
| 1.Đầu tư vào công ty con                           | 251        |          |                       |                       |

|                                              |            |          |                       |                       |
|----------------------------------------------|------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| 2.Đầu tư vào công ty liên doanh,liên kết     | 252        |          | 400.000.000           | 400.000.000           |
| 3.Đầu tư dài hạn khác                        | 258        | V.1<br>3 | 5.620.000.000         | 5.620.000.000         |
| 4.Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259        |          |                       |                       |
| <b>IV.Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |          | <b>657.509.043</b>    | <b>1.032.695.715</b>  |
| 1.Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | V.1<br>4 | 657.509.043           | 1.032.695.715         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |          | <b>61.903.290.576</b> | <b>59.241.535.440</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: đồng

| NGUỒN VỐN                                   | MÃ SỐ      | Tminh | SỐ CUỐI KỲ            | SỐ ĐẦU NĂM            |
|---------------------------------------------|------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>          | <b>300</b> |       | <b>20.464.487.505</b> | <b>18.101.496.784</b> |
| <b>I.Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>310</b> |       | <b>20.401.007.573</b> | <b>18.040.678.602</b> |
| 1.Vay và nợ ngắn hạn                        | 311        | V.15  |                       |                       |
| 2.Phải trả người bán                        | 312        |       | 3.445.878.921         | 1.560.497.528         |
| 3.Người mua trả tiền trước                  | <b>313</b> |       |                       |                       |
| 4.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước       | 314        | V.16  | 1.088.115.660         | 943.069.629           |
| 5.Phải trả người lao động                   | 315        |       | 11.663.424.201        | 11.362.587.408        |
| 6.Chi phí phải trả                          | 316        | V.17  | 136.021.515           | 104.580.364           |
| 7.Phải trả nội bộ                           | 317        |       |                       |                       |
| 8.Phải trả theo tiến độ hợp đồng            | 318        |       |                       |                       |
| 9.Các khoản phải trả,phải nộp ngắn hạn khác | 319        | V.18  | 3.369.808.206         | 3.102.511.649         |
| 10.Dự phòng phải trả ngắn hạn               | 320        |       |                       |                       |
| 11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi             | 323        |       | 697.759.070           | 967.432.024           |
| <b>II.Nợ dài hạn</b>                        | <b>330</b> |       | <b>63.479.932</b>     | <b>60.818.182</b>     |
| 1.Phải trả dài hạn người bán                | 331        |       |                       |                       |
| 2.Phải trả dài hạn nội bộ                   | 332        | V,19  |                       |                       |
| 3.Phải trả dài hạn khác                     | 333        |       | 54.000.000            | 54.000.000            |
| 4.Vay và nợ dài hạn                         | 334        | V.20  |                       |                       |
| 5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả           | 335        | V.21  |                       |                       |
| 6.Dự phòng trợ cấp mất việc làm             | 336        |       |                       |                       |
| 7.Doanh thu chưa thực hiện                  | 337        |       | 9.479.932             | 6.818.182             |
| <b>B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430 )</b>      | <b>400</b> |       | <b>41.438.803.071</b> | <b>41.140.038.656</b> |
| <b>I.Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>410</b> | V.22  | <b>41.438.803.071</b> | <b>41.140.038.656</b> |
| 1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu                 | 411        |       | 40.500.000.000        | 40.500.000.000        |
| 2.Thặng dư vốn cổ phần                      | 412        |       |                       |                       |
| 3.Vốn khác của chủ sở hữu                   | 413        |       |                       |                       |
| 4.Cổ phiếu quỹ                              | 414        |       | (609.600.000)         | (609.600.000)         |
| 5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản           | 415        |       |                       |                       |
| 6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái                | 416        |       |                       |                       |
| 7.Quỹ đầu tư phát triển                     | 417        |       | 836.784.671           | 677.733.695           |

**Báo cáo thường niên năm 2014**

|                                          |            |  |                       |                       |
|------------------------------------------|------------|--|-----------------------|-----------------------|
| 8.Quỹ dự phòng tài chính                 | 418        |  | 478.954.769           | 359.666.537           |
| 9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu          | 419        |  |                       |                       |
| 10.Lợi nhuận sau thuế đã phân phối       | 420        |  | 232.663.631           | 212.238.424           |
| 11.Nguồn vốn đầu tư XDCB                 | 421        |  |                       |                       |
| 12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối    |            |  |                       |                       |
| <b>II.Nguồn vốn kinh phí quỹ khác</b>    | <b>430</b> |  |                       | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b> | <b>440</b> |  | <b>61.903.290.576</b> | <b>59.241.535.440</b> |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
NĂM 2014**

ĐVT: đồng

| CHỈ TIÊU                                               | MÃ SỐ     | T.minh       | NĂM 2013               | NĂM 2013               |
|--------------------------------------------------------|-----------|--------------|------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>01</b> | <b>VI.25</b> | <b>175.921.836.261</b> | <b>104.218.803.245</b> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02        |              |                        |                        |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> |              | <b>175.921.836.261</b> | <b>104.218.803.245</b> |
| <b>Gái vốn bán hàng</b>                                | <b>11</b> | <b>VI.27</b> | <b>156.226.913.936</b> | <b>85.257.235.979</b>  |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 20        |              | 19.694.922.325         | 18.961.567.266         |
| <b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>                   | <b>21</b> | <b>VI.26</b> | <b>1.247.615.367</b>   | <b>1.728.477.191</b>   |
| Chi phí tài chính                                      | 22        | VI.28        |                        |                        |
| <i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>                      | 23        |              |                        |                        |
| Chi phí bán hàng                                       | 24        |              |                        |                        |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 25        |              | 16.187.031.705         | 15.277.653.623         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>30</b> |              | <b>4.755.505.987</b>   | <b>5.412.390.834</b>   |
| Thu nhập khác                                          | 31        |              | 520.922.727            | 356.910.913            |
| Chi phí khác                                           | 32        |              | 70.813.295             | 182.934.400            |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                  | <b>40</b> |              | <b>450.109.432</b>     | <b>173.976.513</b>     |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>50</b> |              | <b>5.205.615.419</b>   | <b>5.586.367.347</b>   |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                            | 51        | VI.30        | 1.155.399.810          | 1.422.736.017          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                         | <b>60</b> |              | <b>4.050.215.609</b>   | <b>4.163.631.330</b>   |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                        | <b>70</b> |              | <b>1.025</b>           | <b>1.033</b>           |

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 của Công ty được đăng tải trên website:  
[www.sasteco.vn](http://www.sasteco.vn)

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quốc Hưng**